

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2023/DSST-HNGĐ

Ngày: 28/8/2023

V/v: “*Kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

- Các hội thẩm nhân dân:

1) Bà Nguyễn Thị Lan

2) Bà Trịnh Thị Oanh.

- ***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Nhị - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa:***
Bà Phạm Thị Thủy. Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án “*Kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con,*” thụ lý số 150/2023/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2023/QĐST ngày 10 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Ngô Thị Thanh Th, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn 3, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

(Chị Th vắng mặt – có đơn xin vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Lê Xuân H, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Thôn xx, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Ngô Thị Thanh Th trình bày:*

Tôi và anh Lê Xuân H chung sống với nhau từ năm 2009 trên cơ sở tự nguyện có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương, đến ngày 25 tháng 9 năm 2012, Đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận kết hôn số 58.

Theo chị Th thì sau khi về chung sống vợ chồng tôi chỉ sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, anh H không tu chí làm ăn, sự việc trên xảy ra nhiều năm nay nên dẫn đến vợ chồng hay xung đột mâu thuẫn lẫn nhau. Xét cuộc sống chung không thể kéo dài. Mục đích hôn nhân không đạt. Do vậy, tháng 4/2023 tôi nộp đơn đến Tòa án xin được ly hôn với anh Lê Xuân H.

+ Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lê Xuân H trình bày: Anh H thừa nhận lời trình bày của chị Th về thời gian chung sống, kết hôn là hoàn toàn đúng.

Theo anh H thì sau khi cưới vợ chồng sống với nhau hạnh phúc. Tuy nhiên, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, nên vợ chồng không tránh khỏi việc xung đột lẫn nhau nhưng không đáng kể. Hiện nay do vợ chồng làm ăn thua lỗ nên đang nợ một khoản tiền của một số anh em bạn bè và cả hai bên nội ngoại hiện nay vẫn chưa trả được. Mặt khác do vợ chồng đã có mâu thuẫn từ trước nên chị Th đã tự ý bỏ nhà đi khỏi địa phương, không còn quan tâm chăm lo cho gia đình, để lại các con cho anh nuôi dưỡng. Từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân nhau, chị Th chặn số của anh nên vợ chồng không có thông tin, không liên lạc với nhau.

Nay chị Th nộp đơn xin ly hôn anh H, do hiện nay hai con còn nhỏ, bản thân anh H còn thương yêu chị Th, nên anh H mong Tòa án cho vợ chồng được đoàn tụ để nuôi dạy con cái. Mặt khác hiện nay vợ chồng chưa thanh toán hết nợ nần, nên anh H mong Tòa án cho vợ chồng về đoàn tụ để cùng nhau làm ăn để trả nợ, sau khi trả hết nợ thì chị Th muốn ly hôn thì anh H sẽ xem xét .

+ Về con chung: Chị Ngô Thị Thanh Th và anh Lê Xuân H xác nhận: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Thị Mỹ Qu, sinh ngày 29/8/2010 và cháu Lê Thành H, sinh ngày 12/4/2012.

Nguyên vọng của chị Th về con chung, chị tôn trọng sự lựa chọn của các con, con ở với ai thì người đó nuôi. Nếu con ở hết với chị Th thì chị tự nuôi và không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong trường hợp con ở với anh H thì chị Th tự nguyện cấp dưỡng tiền mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) để nuôi cháu Lê Thành H, sinh ngày 12/4/2012 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Nguyên vọng của anh H về con chung: Anh H xin nuôi cả hai con chung, nếu được nuôi con chung thì anh H không yêu cầu chị Th cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Tại bản tự khai ngày 19/5/2023 cháu Lê Thị Mỹ Qu, sinh ngày 29/8/2010 và cháu Lê Thành H, sinh ngày 12/4/2012 có nguyện vọng xin được sống với bố là anh Lê Xuân H.

+ Về tài sản chung: Chị Ngô Thị Thanh Th và anh Lê Xuân H xác nhận vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết số nợ trên nữa.

+ Về nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án chị Ngô Thị Thanh Th và anh Lê Xuân H xác nhận: Hiện tại vợ chồng còn nợ anh em, bạn bè hai bên nội ngoại một khoản tiền. Tuy nhiên, hiện nay vợ chồng tự thỏa thuận việc trả nợ, không yêu cầu tòa án giải quyết.

* Để có cơ sở cho việc giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương và thu được kết quả như sau: Chị Ngô Thị Thanh Th và anh Lê Xuân H là công dân đăng ký thường trú tại thôn 3, xã H Tiến, huyện Krông Pắc.

- Về mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh H địa phương không nắm được. Địa phương chỉ biết chị Th đã đi làm ăn xa. Thời gian gần đây anh H có đến báo với địa phương về việc chị Th xin ly hôn anh H còn nguyên nhân dẫn đến vợ chồng ly hôn thì địa phương không rõ.

- Về thu nhập: Anh H không có nghề nghiệp ổn định nên chủ yếu là đi làm thuê, còn chị Th làm gì thì địa phương không biết. Do vậy, địa phương không thu nhập của anh H chị Th mỗi tháng bao nhiêu thì địa phương không rõ.

Tại phiên tòa chị Ngô Thị Thanh Th vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Lê Xuân H vắng mặt không có lý do.

*** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc phát biểu ý kiến:**

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, hội đồng xét xử (HĐXX) và nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa chị Ngô Thị Thanh Th vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Lê Xuân H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Th, anh H là phù hợp.

Về nội dung vụ án:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 33, Điều 34, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình.

Đề nghị HĐXX tuyên xử:

Chấp nhận một câu khởi kiện của nguyên đơn chị Ngô Thị Thanh Th.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Ngô Thị Thanh Th ly hôn anh Lê Xuân H.

- Về con chung: Giao 2 con chung là cháu Lê Thị Mỹ Qu, sinh ngày 29/8/2010 và cháu Lê Thành H, sinh ngày 12/4/2012 cho anh Lê Xuân H trực tiếp

trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên.

Chị Ngô Thị Thanh Th được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Ghi nhận việc chị Ngô Thị Thanh Th tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung 1.500.000đ/tháng để nuôi cháu Lê Thành H, sinh ngày 12/4/2012 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện của chị Ngô Thị Thanh Th đề ngày 13/4/2023, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Ngô Thị Thanh Th khởi kiện xin được ly hôn với anh Lê Xuân H nơi cư trú tại thôn xx, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa chị Ngô Thị Thanh Th vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt) anh Lê Xuân H vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do vậy, HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 227 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Ngô Thị Thanh Th và anh Lê Xuân H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Ngô Thị Thanh Th và anh Lê Xuân H sống chung với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 2009. Đến ngày 25 tháng 9 năm 2012 thì Đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận kết hôn số 58. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh H hợp pháp được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, theo anh H và chị Th thì sau khi cưới do bất đồng quan điểm sống không có tiếng nói chung nên vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn tranh chấp. Mặc dù quá trình giải quyết vụ án anh Lê Xuân H cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng làm ăn thua lỗ nên hiện vợ chồng còn nợ của anh em bạn bè, hai bên nội ngoại một số nợ. Do đó anh H có nguyện vọng xin được đoàn tụ để vợ chồng cùng nhau trả nợ, sau khi trả hết nợ thì nếu chị Th vẫn có nguyện vọng ly hôn thì anh H sẽ đồng ý. HĐXX xét thấy quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã giải thích để anh H chị Th biết quyền yêu cầu giải quyết phần nợ chung.

Tuy nhiên, cả chị Th, anh H đều khẳng định vợ chồng không yêu cầu giải quyết quyết phần nợ chung. Như vậy, việc anh H cho rằng do vợ chồng còn nợ nên anh H xin được đoàn tụ để cùng nhau làm ăn trả nợ, sau khi trả xong nợ thì anh H sẽ đồng ý ly hôn khi chị Th có yêu cầu. Như vậy, lý do anh H xin đoàn tụ là không chính đáng. Trong khi đó bản thân chị Th vẫn có nguyện vọng tha thiết xin ly hôn anh Lê Xuân H. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án cả chị Th và anh H đều thừa nhận vợ chồng sống ly thân nhau từ đầu năm 2023 đến nay không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh H đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt. Do vậy, HĐXX cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình cho chị Th được ly hôn với anh Lê Xuân H là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống chị Th và anh H có 02 con chung là cháu Lê Thị Mỹ Qu, sinh ngày 29/8/2010 và cháu Lê Thành H, sinh ngày 12/4/2012. Quá trình giải quyết vụ án Lê Thị Mỹ Qu, và cháu Lê Thành H đều có nguyện vọng được sống với bố là anh Lê Xuân H. Bản thân anh H có nguyện vọng xin nuôi cả hai con chung, còn chị Th cho rằng chị tôn trọng theo ý kiến của con con ở với ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng.

HĐXX xét thấy việc giao con cho ai nuôi dưỡng khi bố mẹ ly hôn cần xem xét đến quyền lợi mọi mặt của con. Trong vụ án này cả cháu Qu và cháu H đều có nguyện vọng xin được sống với bố là anh Lê Xuân H. Bản thân anh H cũng có nguyện vọng xin được nuôi cả hai con chung. Bản thân chị Th chấp nhận giao cả hai con cho anh H nuôi dưỡng. Như vậy việc các con chung của chị Th anh H xin được sống với anh H là hoàn toàn tự nguyện, bản thân anh H cũng có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cả hai con chung. Do vậy, HĐXX cần áp dụng Điều 81, điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình giao hai con chung là cháu Lê Thị Mỹ Qu, sinh ngày 29/8/2010 và cháu Lê Thành H, sinh ngày 12/4/2012 cho anh Lê Xuân H trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên là phù hợp với quy định của pháp luật.

Chị Th được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án chị Th tự nguyện cấp dưỡng mỗi tháng 1.500.000đ để nuôi cháu H cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên. Xét việc chị Th tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung như trên không trái quy định của pháp luật nên HĐXX cần áp dụng các điều 110; 116 và Điều 117 Luật hôn nhân gia đình ghi nhận việc trên là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án chị Ngô Thị Thanh Th và anh Lê Xuân H không yêu cầu Tòa án giải quyết phần tài sản chung và nợ chung nên HĐXX không đề cập giải quyết

[3]. Xét thấy quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ ý kiến của Viện kiểm sát.

Vì các lý do trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 33, Điều 34, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị Thanh Th.

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Ngô Thị Thanh Th ly hôn anh Lê Xuân H.

+ Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Thị Mỹ Qu, sinh ngày 29/8/2010 và cháu Lê Thành H, sinh ngày 12/4/201 cho anh Lê Xuân H trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên là phù hợp với quy định của pháp luật.

“Chị Ngô Thị Thanh Th được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Tuy nhiên, chị Th không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tôn nuôi con chung”.

Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Ghi nhận việc chị Ngô Thị Thanh Th tự nguyện cấp dưỡng mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) để nuôi cháu Lê Thành H, sinh ngày 12/4/2012 cho đến khi cháu H đủ tuổi thành.

+ Về tài sản chung nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án chị Ngô Thị Thanh Th, anh Lê Xuân H không yêu cầu nên HĐXX không đề cập giải quyết.

+ Về án phí:

Chị Ngô Thị Thanh Th phải nộp 300.000đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đồng tiền án phí cấp dưỡng. Tổng cộng chị Th phải chịu 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) tiền án phí. Khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0016980 ngày 18/4/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Chị Ngô Thị Thanh Th còn phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí.

+ Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền